TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2017/HNGĐ -ST
Ngày: 18-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Hoàng

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Qúi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số*:* 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Tấn T, sinh năm: 1980; cư trú tại: 606/99 đường C/B, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm: 1982; cư trú tại: 178/7V đường HG, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, ông Mai Tấn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Bích V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2012

Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống bên gia đình vợ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là vào năm 2015 thì ông phát hiện bà V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Tuy nhiên, ông cũng đã bỏ qua lỗi lầm của

bà V để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì bà V lại nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên đã ghen tuông vô cớ và có những lời lẽ xúc phạm đến ông, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ tháng 8/2016 thì ông đã dọn ra ở riêng và vợ chồng ông cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà V nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà V có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Mai Nguyễn Kim C, sinh năm: 2013, hiện nay bà V đang nuôi dưỡng trẻ C vì vậy ông tiếp tục để bà V nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng/ tháng

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuẫn giải quyết

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về vấn đề kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng bà cũng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là cách đây khoảng 02 (hai) năm thì do bà có buôn chuyện gia đình nên bà thường hay có tâm sự với một người bạn nam nhưng ông T không hiểu và ghen tuông cho rằng bà có quan hệ tình cảm với người đàn ông đó. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bà cũng đã hòa giải được với nhau. Vào năm 2016 thì bà phát hiện ông T đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, bà cũng đã điện thoại cho người phụ nữ đó và yêu cầu chấm dứt tình cảm với ông T nhưng người phụ nữ đó đã có những lời lẽ thách thức bà. Bà đã yêu cầu ông T phải làm rõ sự việc này nhưng ông T không làm. Từ tháng 8/2016 đến nay thì ông T đã dọn ra ngoài thuê nhà sống riêng và vợ chồng bà cũng không còn ai quan tâm đến ai nữa. Nay vì con bà còn nhỏ và bà còn thương chồng nên bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Mai Nguyễn Kim C, sinh năm: 2013. Giả sử trong trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của ông T đưa ra là 2.500.000đồng/ tháng

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuẫn giải quyết

Về nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Theo lời trình bày của các đương sự nhận thấy vợ chồng ông T và bà V không có sự tin tưởng lẫn nhau và thiếu sự đồng cảm,

vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông T và bà V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho ông T được ly hôn với bà V là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao trẻ Mai Nguyễn Kim C, sinh năm: 2013 cho bà V nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2012 thì ông Mai Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích V có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T có đơn xin ly hôn với bà V nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử nhận thấy: trong thời gian ông T và bà V sống chung với nhau giữa hai vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là cả hai đều không có sự tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ ghen tuông lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…" nhưng giữa vợ chồng ông T và bà V đã không có sự thương yêu, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Một năm nay vợ chồng ông T và bà V đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay bà V không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương chồng. Tuy nhiên, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cũng như tại phiên tòa hôm nay bà V hoàn toàn không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ toàn đề cập đến vấn đề nếu ly hôn thì ông T có thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đầy đủ hay không. Điều này chứng tỏ giữa bà V và ông T đã không còn tình cảm vợ chồng với nhau, mâu thuẫn giữa ông T và và V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho ông T được ly hôn với bà V là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung:

Ông T và bà V có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Mai Nguyễn Kim C, sinh năm: 2013, bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà V nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Mai Nguyễn Kim C, sinh năm: 2013 cho bà V nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Tấn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng/ tháng cho đến khi trẻ trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2017

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Mai Tấn T nộp. Ông T còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Tấn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích V

Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2012 cho ông T và bà V không còn giá trị pháp lý

2. Về con chung: Giao trẻ Mai Nguyễn Kim C, sinh năm: 2013 cho bà Nguyễn Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Tấn T cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đồng/ tháng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng/ tháng) cho đến khi trẻ trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2017

Bà Nguyễn Thị Bích V có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Mai Tấn T đến thăm nom chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án nếu hàng háng ông T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông T còn phải trả cho bà V khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

4. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Mai Tấn T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004467 ngày 30/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Ông Mai Tấn T còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn